

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17/6/2025

“V/v: Xác định cha cho con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng và ông Trần Hữu Lượng.
- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hiền Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc “Xác định cha cho con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).
- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh **Trần Văn T1**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn L trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T có mối quan hệ tình cảm yêu đương, đến ngày 02 tháng 7 năm 2023 chị T đã sinh cháu (dự định đặt tên con là: Nguyễn – Cu). Sau khi sinh cháu anh có đi làm giấy khai sinh cho cháu

tại UBND xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang thì được cán bộ tư pháp xã giải thích chị T chưa ly hôn với chồng nên không khai sinh cho cháu theo họ của anh và không thể xác định anh là bố đẻ của cháu N – Cu. Anh được cán bộ hướng dẫn làm thủ tục tại Tòa án để xác định cha cho cháu. Anh và cháu N - Cu đã đi lấy mẫu làm xét nghiệm ADN và được Công ty TNHH V xác định anh và cháu N - Cu có 99,9999% có quan hệ huyết thống cha – con. Nay anh đề nghị TAND huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xác định cháu (dự định đặt tên N – C), sinh ngày 02 tháng 7 năm 2023 là con đẻ của anh để anh đi làm giấy khai sinh cho cháu.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Trần Văn T1 có quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là Trần Thị Huyền T2, sinh ngày 25/4/2010, cháu hiện đang ở với chị. Do phát sinh mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân được hơn 5-6 năm. Sau khi ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thôn B, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang sinh sống còn anh T1 đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương. Thời gian gần đây chị có phát sinh tình cảm với anh Trần Văn L và đã sinh cháu (dự định đặt tên N – Cu) vào ngày 02/7/2023. Chị và anh L có đi làm giấy khai sinh cho cháu thì được cán bộ tư pháp xã K giải thích chị và chồng cũ là anh Trần Văn T1 chưa ly hôn nên cháu N – Cu không thể mang họ của anh L và cũng không xác định được anh L là cha của cháu. Cán bộ tư pháp xã đã hướng dẫn anh chị làm đơn khởi kiện tại Tòa án, trước khi khởi kiện, anh chị đã đưa cháu (dự định đặt tên N – Cu) đã đi giám định ADN tại Công ty TNHH V, kết quả xác định anh Trần Văn L và cháu N - Cu có 99,9999% có quan hệ huyết thống cha – con. Do vậy, chị đề nghị TAND huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xác định cháu (dự định đặt tên N – C), sinh ngày 02 tháng 7 năm 2023 là con đẻ của anh Trần Văn L.

Tại Phiếu kết quả giải trình ADN No: 24D082, ngày 06/6/2024 của Công ty TNHH V thể hiện: “Người có mẫu ghi tên TRẦN VĂN L có quan hệ huyết thống cha - con với người có mẫu ghi tên NGUYỄN – CU với độ tin cậy 99,9999%”. Tại Công văn số 01/25/CV-VDNA ngày 10/01/2025 của Công ty TNHH V xác định: Công ty ban hành phiếu kết quả giám định ADN số 24D082 như sau: “Người có mẫu ghi tên TRẦN VĂN L có quan hệ huyết thống cha - con với người có mẫu ghi tên NGUYỄN – CU với độ tin cậy 99,9999%” là đúng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 88, 89, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX tuyên bố: Xác định anh Trần Văn L, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang là cha đẻ của cháu (dự định đặt tên N – Cu, sinh vào 00:06:45 ngày 02 tháng 7 năm 2023 (theo Giấy khai chứng sinh số: 110, quyển số: 06 của Trung tâm y tế huyện S).

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX miễn nộp tiền án phí cho nguyên đơn và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện anh Trần Văn L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết xác định anh là cha của cháu cháu (dự định đặt tên N – Cu, sinh vào 00:06:45 ngày 02 tháng 7 năm 2023 (theo Giấy khai chứng sinh số: 110, quyển số: 06 của Trung tâm y tế huyện S). Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là Xác định cha cho con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn L, bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T1 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết anh Trần Văn L xác định anh và chị Nguyễn Thị T có một người con chung là N - Cu, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2023. Kết quả xác minh xác định được chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn T1 chỉ có một người con chung là Trần Thị Huyền T2, sinh ngày 25/4/2010, anh chị hiện đã sống ly thân được hơn 5-6 năm. Tại Phiếu kết quả giải trình ADN No: 24D082, ngày 06/6/2024 của Công ty TNHH V thể hiện: “Người có mẫu ghi tên TRẦN VĂN L có quan hệ huyết thống cha - con với người có mẫu ghi

tên NGUYỄN – CU với độ tin cậy 99,9999%”. Bị đơn chị Nguyễn Thị T cũng xác định cháu N – Cu, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2023 là con của chị và anh Trần Văn L, không phải là con của anh Trần Văn T1.

Căn cứ lời khai các đương sự; kết quả phân tích AND No: 24D082, ngày 06/6/2024 của Công ty TNHH V; căn cứ Điều 88, 89, 101, 102 - Luật Hôn nhân và gia đình đủ cơ sở xác định anh Trần Văn L, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang là cha đẻ của cháu (dự định đặt tên N – C), sinh ngày 02 tháng 7 năm 2023 (theo Giấy khai chứng sinh số: 110, quyền số: 06 của Trung tâm y tế huyện S). Anh Trần Văn L, chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch và thực hiện các quyền về lý lịch tư pháp cho cháu có tên (dự định đặt tên N – Cu, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2023 (theo Giấy khai chứng sinh số: 110, quyền số: 06 của Trung tâm y tế huyện S) theo quy định pháp luật.

[3]. Về án phí: Anh Trần Văn L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện đề nghị xác định cha cho con chưa thành niên thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 88, 89, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ tranh chấp: Xác định anh Trần Văn L, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; số căn cước công dân 008075001831 là cha của cháu (dự định đặt tên N – Cu), giới tính: Nam, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2023 theo Giấy khai chứng sinh số: 110, quyền số: 06 của Trung tâm y tế huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Trần Văn L, chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch và thực

hiện các quyền về lý lịch tư pháp cho cháu có tên (dự định đặt tên N – Cu, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2023 (theo Giấy khai chứng sinh số: 110, quyền số: 06 của Trung tâm y tế huyện S) theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Trần Văn L theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- UBND xã K;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến